

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2017/HSST

Ngày: 28/9/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Công Huân

*Thẩm phán:* Ông Huỳnh Văn Trực

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Cảnh

2. Bà Lê Thị Nhanh

3. Bà Võ Thị Nam

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lưu Quốc Khánh-Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trương Hùng Cường-Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 và 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 456/2017/HSST ngày 14/8/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị S**, sinh ngày 20/8/1982; giới tính: nữ; nơi đăng ký thường trú: ấp Kinh Mới, xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: 55 đường Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: (không); trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị X; hoàn cảnh gia đình: có 1 con sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 16/8/2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang**; luật sư Công ty luật MTV Viên An; Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

2. Bà **Lê Thị Bích Chi**; luật sư Công ty luật MTV Viên An; Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

***Người bị hại:***

1. Bà **Cao Thị Ng**; sinh năm 1977; nơi cư trú: LK21-L5 Khu đấu giá Mậu Lương, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội;

*Người đại diện hợp pháp của bà Ng:* Ông **Chu Đức Nam Anh**, sinh năm 1984, nơi đăng ký thường trú: làng Hà Khê, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: 28/14 đường 16, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

2. Bà **Phạm Thị Bích N**; sinh năm 1965; nơi đăng ký thường trú: 242/47/2 đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Bà **Trần Diệu H**; sinh năm 1980; nơi đăng ký thường trú: 44NT Thống Nhất, phường Đạo Long, thành phố Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận; nơi cư trú: 400 đường Tân Kỳ Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị V**; sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: Tổ 3, khu Đồng Giao, thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

**NHẬN THẤY:**

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

**1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phạm Thị S:**

Đầu năm 2015, Phạm Thị S ở ấp Kinh Mới, xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (trú tại số 55 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh) Sng Campuchia gặp Ekwedigwe Ogechukwu James (tên gọi tắt là James) và IKA, LANLOD, CHALES đều là người Nigeria và một phụ nữ tên là Sim Sothol quốc tịch Campuchia (S và James quan hệ với nhau từ năm 2008, có một con chung). Khi gặp, S cùng James và đồng bọn bàn cách thực hiện lừa đảo chiếm đoạt tài sản của một số phụ nữ Việt Nam. Các đối tượng phân công Ekwedigwe Ogechukwu James, IKA, LANLOD làm nhiệm vụ sử dụng mạng xã hội Facebook làm quen với một số phụ nữ Việt Nam, rồi đặt vấn đề yêu đương và gợi ý muốn định cư tại Việt Nam. Để tạo lòng tin, các đối tượng trao đổi với người phụ nữ đang liên lạc là sẽ gửi tiền hoặc những món hàng có giá trị về trước. S có nhiệm vụ đóng giả nhân viên Hải quan, lấy tên là

Nguyễn Thụy Thảo Đang gọi điện cho những người bị hại mà nhóm của James lừa được, nói họ có hàng hoặc tiền ở nước ngoài gửi về và yêu cầu họ gửi một số tiền vào tài khoản của Sim Sothol ở ngân hàng SeAbank hoặc Phạm Thị S Tại ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đang để đóng phí Hải quan.

Để thuận lợi cho S mở tài khoản tại các ngân hàng, Sim Sothol đã bóc ảnh trong chứng minh nhân dân số 331378395 do công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 04/6/2011 mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đang, sau đó dán ảnh của Phạm Thị S vào rồi đưa lại cho S mang về Việt Nam để phục vụ cho việc lừa đảo các bị hại. Ngày 31/3/2015 Phạm Thị S đến ngân hàng BIDV chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, dùng giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đang, mở tài khoản số 31010001803186.

Sau khi mở tài khoản trên, Phạm Thị S sử dụng vào việc nhận tiền lừa đảo của các bị hại. Từ tháng 4/2015, Phạm Thị S cùng đồng bọn lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Cao Thị Ng ở phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội 2.733.000.000đ, lừa đảo chiếm đoạt 239.000.000đ của Phạm Thị Bích N ở số 242/47/2 đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Hành vi lừa đảo của Phạm Thị S được thực hiện cụ thể như sau:

#### *1.1 Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 2.733.000.000đ của bà Cao Thị Ng*

Khoảng tháng 7/2015, James lấy tên là Zin, Quốc tịch Malaysia, làm quen và đặt vấn đề yêu thương bà Ng trên Facebook và nói muốn về Việt Nam định cư, James gợi ý chuyển trước cho bà Ng 2.000.000USD. Sau khi đặt vấn đề với bà Ng. Ngày 17/7/2015, S điện thoại cho bà Ng giới thiệu tên là Đang, nhân viên Hải quan sân bay Tân Sơn Nhất thông báo có người tên là Zin gửi từ Malaysia về một gói hàng, bên trong có 2.000.000USD. S yêu cầu bà Ng phải chuyển 2.733.000.000đ vào tài khoản của S mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đang mở tại Ngân hàng BIDV, tài khoản của Sim Sothol mở tại ngân hàng SeAbank, số tài khoản của Trần Diệu H là nhân viên phòng Nha khoa Việt Quốc địa chỉ 226 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để đóng phí Hải quan (S không quen biết với Trần Diệu H, số tài khoản của H là do James cung cấp). Bà Ng tưởng thật đã gửi 1.730.000.000đ vào tài khoản của Sim Sothol, 303.000.000đ vào tài khoản của Sim Sothol, gửi 700.000.000đ vào tài khoản của Trần Diệu H. Tiền gửi vào tài khoản của H thì H rút về và điện thoại cho S đến lấy. H đưa cho S 800.000.000đ và nói với S có 700.000.000đ của bà Ng, số còn lại là của một người phụ nữ khác chuyển, H giữ lại 5.000.000đ tiền công (bút lục 103-105, 106-110, 115-120, 138-141, 238-243, 244-247).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay không rõ số tiền 100.000.000đ do ai đã gửi vào tài khoản của H. Theo Trần Diệu H khai, năm 2013 qua mạng xã hội Facebook H đã kết bạn và yêu James. Tháng 7/2015, H Sng Campuchia chơi với James, sau khi về nước James nói sẽ có người chuyển tiền vào tài khoản của H và nhờ H rút

tiền chuyển cho S. H đã đồng ý. Sau khi S yêu cầu bà Ng gửi tiền vào tài khoản của H, theo yêu cầu của James, H đã rút tiền đưa cho S. Quá trình điều tra, không có đủ căn cứ kết luận Trần Diệu H đồng phạm trong vụ án này. Số tiền 5.000.000đ H đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra (BL 198-208).

Sau khi bà Ng chuyển tiền, Phạm Thị S ra cây ATM của Ngân hàng để rút tiền và điện thoại cho một người tên là CHIDI, quốc tịch Nigeria hẹn gặp ở đường Đề Thám, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận tiền, theo yêu cầu của James. S được James trích lại cho 600.000.000đ, trong tổng số tiền đã chiếm đoạt của bà Ng.

### *1.2 Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 239.000.000đ của bà Phạm Thị Bích N*

Vào khoảng tháng 7/2015 cùng với thủ đoạn làm quen và ngỏ lời yêu trên Facebook, nhóm của James đã làm quen và gợi ý chuyển quà cho bà Phạm Thị Bích N. Ngày 17/7/2015, S nhận được tin nhắn của IKA thông báo cho biết tên người chuyển hàng là MICHAEL AMOS, quốc tịch Anh và số điện thoại của bà N. Sau khi nhận được thông tin này, S điện thoại cho bà N, giới thiệu là nhân viên Hải quan Cảng hàng không sân bay Tân Sơn Nhất, đã nhận được gói quà do ông MICHAEL AMOS gửi từ Anh đến. S yêu cầu bà N chuyển 239.200.000đ vào tài khoản mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đăng và Đỗ Thị T (S không quen biết bà Đỗ Thị T, số tài khoản của bà T là do James đưa từ trước) để nộp phí Hải quan. Bà N tưởng thật nên đã gửi số tiền trên vào tài khoản của S như sau:

- Ngày 17/7/2015, bà N gửi vào tài khoản của Nguyễn Thụy Thảo Đăng tại ngân hàng BIDV 99.200.000đ.

- Ngày 23/7/2015, bà N gửi vào tài khoản của Đỗ Thị T mở tại ngân hàng VietinBank 140.000.000đ.

Số tiền bà N gửi vào tài khoản của bà Đỗ Thị T, S không biết ai rút. Số tiền bà N gửi vào tài khoản mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đăng, S trực tiếp đi rút, sau đó chuyển cho CHIDI, S được James cho lại 12.000.000đ (Bút lục 121-127, 138-141, 238-243, 317-320, 244-247).

Bà Đỗ Thị Thành hiện là cán bộ Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Năm 2010, bà T bị mất chứng minh nhân dân, sau đó đã báo cho cơ quan Công an tỉnh và làm thủ tục cấp lại chứng minh nhân dân. Việc các đối tượng dùng chứng minh nhân dân của bà T mở tài khoản để sử dụng vào việc lừa đảo, bà Thành không biết và không liên quan đến việc S và các đối tượng lừa đảo (bl.214-217).

Ngoài các bị hại trên, trong vụ án này còn có một số người bị James và các đối tượng trong nhóm lừa đảo gửi tiền vào tài khoản của Phạm Thị S mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đăng tại ngân hàng BIDV với tổng số tiền là 90.902.268đ. Qua tài liệu điều tra thu giữ tại ngân hàng đã xác định được những

người đã gửi tiền vào tài khoản của S là Đỗ Thị Hoa, Nguyễn Thị Đuộm, Nguyễn Thị Hồng; Những người gửi tiền vào tài khoản của Sim Sothol tại ngân hàng SeAbank là Lê Hồng Xuân, Nguyễn Thị Bích, Phạm Thị Bích Loan, Huỳnh Phi Hồng Ngọc, Phạm Ngọc Thơ, Nguyễn Thị Thu Thảo, và Kim Thị Bích Hoa với tổng số tiền là 233.256.975đ. Cơ quan điều tra đã đăng tin trên đài truyền hình Việt Nam và một số báo viết để tìm bị hại nhưng không ai đến trình báo nên không xác định được căn cước, địa chỉ, lại lịch của những người đã gửi tiền vào tài khoản của S và Sim Sothol (bl.112-114, 144, 398)

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Phú Thọ còn chuyển đơn tố cáo của chị Nguyễn Thị V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (C45) – Bộ công an thụ lý. Nội dung khoảng tháng 7/2015, bà V làm quen trên Facebook với một người có tên là COGLAN, quốc tịch Mỹ, làm việc tại Liên hiệp quốc, hứa chuyển quà cho bà V. Sau đó, có người phụ nữ điện thoại đến số máy của V giới thiệu là Dung, nhân viên sân bay quốc tế Nội Bài, thông báo có người tên là COGLAN, quốc tịch Mỹ gửi cho bà V gói quà có giá trị lớn, yêu cầu bà V chuyển 95.000.000đ phí hải quan vào tài khoản có tên Sim Sothol tại ngân hàng Scombank chi nhánh Sài Gòn. Bà V tưởng thật đã chuyển 95.000.000đ vào tài khoản của Sim Sothol tại ngân hàng Scombank.

Qua điều tra, Phạm Thị S khai không biết ai đã điện thoại lừa bà V, gửi tiền vào tài khoản của Sim Sothol. Xác minh số tài khoản mang tên Sim Sothol tại ngân hàng Scombank chi nhánh Sài Gòn còn 120.465.234đ chưa rút. Cơ quan điều tra đã yêu cầu ngân hàng chuyển toàn bộ số tiền trên và tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra để điều tra làm rõ (BL 351, 354, 355, 356-359, 362, 363, 372-381)

Căn cứ vào tài liệu điều tra, không có đủ cơ sở kết luận Phạm Thị S thực hiện hành vi lừa đảo bà V nên xác định bà V không phải là người bị hại trong vụ án này.

## **2. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của Phạm Thị S**

Trong vụ án này, ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên, Phạm Thị S còn thực hiện hành vi dán ảnh của mình vào chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thụy Thảo Đang, mạo danh là bà Đang mở tài khoản số 31010001803186 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu các bị hại gửi tiền vào tài khoản đó. Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thụy Thảo Đang khai do sơ xuất nên đã làm mất chứng minh nhân dân vào ngày 29/6/2013. Ngay sau khi mất, bà Đang đã trình báo với Công an tỉnh Vĩnh Long đề nghị cấp lại chứng minh nhân dân mới có cùng số 331378395 với chứng minh nhân dân đã bị mất. Cơ quan điều tra đã xác minh lý lịch cá nhân của bà Nguyễn Thụy Thảo Đang có ảnh đóng dấu giáp lai tại địa phương, thu giữ bản So công chứng chứng minh nhân dân hiện nay của bà Đang để làm căn cứ đối chiếu ảnh trong chứng minh nhân dân đã bị Phạm Thị S dán tráo ảnh. Bà

Đang khai không giao dịch, mở tài khoản tại ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (bl.469-475, 483-490).

Trong quá trình điều tra vụ án, Phạm Thị S đã khai nhận về hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản và làm giả, sử dụng tài liệu giả như trên.

Tại bản cáo trạng số 7/VKSTC-V2 ngày 29/3/2017, Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố Phạm Thị S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139, và khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

**Tại phiên tòa,**

*Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, đồng ý sử dụng toàn bộ tài sản bị thu giữ để khắc phục hậu quả.*

*Kiểm sát viên giữ quyền công tố phát biểu ý kiến luận tội như sau:*

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, lời khai bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tối cao là chính xác. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo là người giữ vai trò giúp sức đắc lực cho James trong việc lừa đảo các bị hại nên cần xử lý nghiêm. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có một phần lỗi, bị cáo chỉ là đồng phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Căn cứ tính chất mức độ vi phạm, các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Buộc bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; xử lý vật chứng theo quy định.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo như sau:

Bị cáo chỉ có hành vi sử dụng Giấy chứng minh thật của bà Nguyễn Thụy Thảo Đang đã bị sửa chữa bằng cách thay hình ủa bà Đang bằng hình của bị cáo. Đây là Giấy chứng minh bị sửa chữa, không phải là Giấy chứng minh làm giả. Do vậy, không có cơ sở để truy tố bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Đối với việc phạm tội lừa đảo, bị cáo chỉ là người giữ vai trò thứ yếu, thực hiện theo sự chỉ đạo của James. Do vậy, việc kiểm sát viên xác định bị cáo có vai trò giúp sức đắc lực là không đúng.

Bị cáo chỉ được chia 612.000.000đ trong số tiền chiếm đoạt nhưng Kiểm sát viên đề nghị tuyên buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt của người bị hại là không đúng với quy định tại Điều 587 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phân hóa trách nhiệm bồi thường của bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo các tài sản không liên quan đến tội phạm.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo chỉ là người giữ vai trò thứ yếu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện nộp lại một phần tiền để khắc phục hậu quả; mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b và p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất mà kiểm sát viên đề nghị.

*Người bị hại và đại diện người bị hại có ý kiến như sau:*

Ông Nam Anh: Việc các luật sư cho rằng bị cáo chỉ giữ vai trò thứ yếu trong vụ án là không có cơ sở. Trong vụ án này, nếu không có sự tiếp tay của bị cáo thì James và đồng bọn không thể chiếm đoạt được tài sản của bị hại. Do vậy, việc kiểm sát viên xác định bị cáo vai trò đặc lực là chính xác. Đề nghị Tòa án xét xử nghiêm minh và buộc bị cáo phải bồi hoàn cho bà Ng 2.733.000.000đ;

Bà N: Đề nghị Tòa án xét xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật và bồi hoàn cho bà N 239.000.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

### **XÉT THẤY:**

Đầu năm 2015, Phạm Thị S đã có hành vi câu kết với Ekwedigwe Ogechukwu James (James) người Nigernia cùng một số đối tượng có tên Ika, Lanlod, Chales (đều là những người chưa rõ lai lịch) và Sim Sothol người Campuchia để chiếm đoạt tài sản của người khác và làm giấy tờ giả để thực hiện việc lừa đảo. Hành vi cụ thể được xác định như sau:

#### **1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 2.733.000.000đ của bà Cao Thị Ng**

Khoảng tháng 7/2015, James đăng ký tài khoản Facebook lấy tên giả là Frankie Gan Joon Zin, quốc tịch Malaysia và làm quen với bà Ng thông qua Facebook. James giả vờ đặt vấn đề yêu bà Ng và nói muốn về Việt Nam định cư, làm ăn, đồng thời gợi ý sẽ chuyển cho bà Ng 2.000.000USD. Sau đó, James cho S biết số điện thoại của bà Ng và các thông tin liên quan. Ngày 17/7/2015, S điện thoại cho bà Ng giới thiệu mình tên là Nguyễn Thụy Thảo Đăng, nhân viên Hải quan của Sân bay Tân Sơn Nhất và thông báo cho bà Ng biết rằng có một người tên Zin gửi từ Malaysia về cho bà Ng 1 gói hàng bên trong có 2.000.000USD; đồng thời, S yêu cầu bà Ng phải đóng phí hải quan là 2.733.000.000đ, chuyển vào tài khoản số 31010001803186 mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đăng mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV); tài khoản số 10400013994259 của Sim Sothol (Sothol) mở tại Ngân hàng Thương

mại Cổ phần Đông Nam Á (SeAbank); tài khoản số 180403449 của bà Trần Diệu H mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB); tài khoản 613704060179099 mang tên Đỗ Thị T mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB). Tài khoản số 31010001803186 là do S sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả mang tên bà Nguyễn Thụy Thảo Đang để mở. Còn tài khoản của H và tài khoản mang tên bà T là do James cung cấp cho S (H cũng là một trong những người quen biết với James qua mạng, James mượn tài khoản của H để chuyển tiền; tài khoản mang tên bà T thì không biết ai mở vì bà T bị mất giấy chứng minh nhân dân).

Tin lời S, bà Ng đã nhiều gửi nhiều lần vào các tài khoản đã nêu với tổng số tiền đã gửi là 2.733.000.000đ, trong đó gửi vào tài khoản của H 700.000.000đ gửi vào tài khoản mang tên của bà T 135.000.000đ.

Sau khi nhận được tiền gửi vào tài khoản của mình, theo yêu cầu của James, H rút tiền khỏi tài khoản và điện thoại báo cho S đến lấy. H đưa cho S 800.000.000đ và nói với S rằng có 700.000.000đ của bà Ng gửi, còn lại 100.000.000đ là của một người phụ nữa khác (không rõ lai lịch) gửi; H giữ lại 5.000.000đ tiền công (bút lục 103-105, 106-110, 115-120, 138-141, 221, 217, 238-243, 244-247). Cơ quan điều tra thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay không rõ ai là người đã gửi cho H 100.000.000đ.

Đối với số tiền gửi vào tài khoản mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đang và tài khoản mang tên của Sothol thì H tự rút bằng thẻ ATM tại các cây ATM.

Sau khi đã rút tiền và nhận được tiền do H gửi, theo yêu cầu của James, S giữ lại 600.000.000đ là số tiền được James chia, số tiền còn lại S mang đến khu vực đường Đề Thám, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giao cho một người chưa rõ lai lịch (S khai giao cho Chidi nhưng Chidi không thừa nhận).

## **2.Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 239.000.000đ của bà Phạm Thị Bích N**

Vào khoảng tháng 7/2015, qua mạng Facebook, Ika lấy tên giả là Michanel Amos, quốc tịch Anh để làm quen và ngỏ lời yêu bà N, đồng thời gợi ý sẽ gửi quà cho bà N. Ngày 17/7/2015, S nhận được tin nhắn của Ika thông báo cho biết thông tin người chuyển hàng là Michanel Amos, quốc tịch Anh và số điện thoại của bà N. Sau khi nhận được thông tin này, S điện thoại cho bà N giới thiệu mình tên là Nguyễn Thụy Thảo Đang, nhân viên Hải quan sân bay Tân Sơn Nhất và thông báo cho bà N rằng có người tên Michanel Amos gửi từ Anh về cho bà N một gói quà; đồng thời, S yêu cầu bà N chuyển 239.000.000đ tiền phí hải quan vào tài khoản 31010001803186 mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đang, tài khoản số 101010007950815 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam–Chi nhánh Bình Dương mang tên Đỗ Thị T. Tài khoản mang tên Đỗ Thị T do James cung cấp cho S, đây là tài khoản mà đồng bọn của bị cáo đã dùng giấy chứng minh của bà T (mà bà T đã bị mất) để mở.

Tin vào lời của S, ngày 17/7/2015, bà N gửi 99.200.000đ vào tài khoản 31010001803186 mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đang tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV); ngày 23/7/2015, bà N tiếp tục gửi 140.000.000đ vào tài khoản số 101010007950815 mang tên Đỗ Thị Tmở tại ngân hàng VietinBank.

Sau khi bà N đã chuyển tiền, S trực tiếp rút tiền từ tài khoản mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đang và chuyển cho người theo chỉ định của James. S được James trích lại 12.000.000đ. Còn số tiền mà bà N gửi vào tài khoản mang tên Đỗ Thị T, S không biết ai là người đã rút.

### **3. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức**

Vào ngày 29/6/2013, do sơ suất, bà Nguyễn Thụy Thảo Đang làm mất giấy chứng minh nhân dân của mình. Ngay sau khi mất giấy chứng minh nhân dân, bà Đang đã trình báo với Công an tỉnh Vĩnh Long và đã được cấp lại Giấy chứng minh nhân dân số 331378395 (cùng với số Giấy chứng minh nhân dân của bà Đang đã bị mất). Khi tham gia lừa đảo, Sothol đã bảo Phạm Thị S đưa hình của S để làm chứng minh nhân dân giả để mở tài khoản. S đồng ý và đưa hình của S cho Sothol. Sau đó, Sothol đưa cho S chứng minh nhân dân giả có các thông tin của bà Đang nhưng hình là của S. S đã dùng giấy chứng minh này mở tài khoản số 31010001803186 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu các bị hại gửi tiền vào tài khoản này để phục vụ cho việc lừa đảo (như đã được xác định ở phần trên).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh lý lịch cá nhân của bà Nguyễn Thụy Thảo Đang có ảnh đóng dấu giáp lai tại địa phương; thu giữ bản So công chứng chứng minh nhân dân của bà Đang để làm căn cứ đối chiếu ảnh trong chứng minh nhân dân đã bị Phạm Thị S dán tráo ảnh; S thừa nhận hành vi làm giả giấy chứng minh nhân dân như đã nêu. Bà Đang không giao dịch, mở tài khoản tại ngân hàng BIDV chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, bị cáo và đồng bọn đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng giấy tờ giả của Cơ quan Nhà nước để chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị đặc biệt lớn. Hành vi có tính chất đặc biệt nguy hiểm, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân, xâm hại đến trật tự quản lý hành chính, gây mất trật tự trị an xã hội, tạo tâm lý hoang mang, hoài nghi lẫn nhau giữa người với người trong xã hội. Bị cáo là người có sức khỏe, có khả năng nhận thức, biết rõ được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động tư lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự.

Về việc các luật sư bào chữa cho rằng bị cáo không phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”: Giấy chứng minh là tài liệu tùy thân của một cá nhân do có Cơ quan có thẩm quyền cấp. Là một trong những công cụ để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý. Trên giấy chứng minh có các thông tin quan trọng như hình ảnh, năm sinh, quê quán, lai lịch của cá nhân, là căn cứ để nhận dạng, phân biệt giữa người này với người khác, trong đó thông tin về hình ảnh của cá nhân là hết sức quan trọng. Việc gắn hình ảnh của người này vào giấy chứng minh nhân dân đã được cấp cho người khác làm thay đổi bản chất của Giấy chứng minh nhân dân. Do vậy, Giấy chứng minh như đã vừa nêu phải được xem là giấy chứng minh nhân dân giả. S đã có hành vi sử dụng Giấy chứng minh giả, lừa dối nhân viên Ngân hàng để mở tài khoản nhằm phục vụ cho việc lừa đảo. Hành vi này của S thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội phạm “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức”. Do vậy, truy tố, xét xử đối với Sng về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng pháp luật; việc các luật sư lập luận cho rằng bị cáo chỉ sử dụng giấy chứng minh bị sửa chữa nên không cấu thành tội phạm là không được chấp nhận.

Đây là vụ án có nhiều người tham gia. Căn cứ kết quả điều tra đã được xác định thì James là kẻ chủ mưu, S là người giữ vai trò giúp sức. S là người giúp cho James thực hiện việc lừa đảo thông qua các hành vi: trực tiếp sử dụng giấy chứng minh giả để mở tài khoản tại Ngân hàng phục vụ cho việc lừa đảo; trực tiếp điện thoại cho người bị hại, dùng lời lẽ gian dối thuyết phục người bị hại gửi tiền vào các tài khoản do đồng bọn chỉ định; trực tiếp rút tiền, chuyển tiền chiếm đoạt của người bị hại cho đồng bọn. Việc có lừa đảo được hay không phụ thuộc nhiều vào S. Do vậy, việc xác định S cáo có vai trò giúp sức đặc lực là có căn cứ. Nhận định đã nêu cũng là luận cứ để không chấp nhận ý kiến bào chữa của các luật sư cho rằng S chỉ là người giữ vai trò thứ yếu.

Bị cáo có hành vi phạm tội lừa đảo nhiều lần nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có 1 con nhỏ sinh năm 2009; trong quá trình chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo cũng đã nộp 40.000.000đ và 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị cáo đứng tên chủ sử dụng khoảng 30.000m<sup>2</sup> ở xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Bạc Liêu với thiện ý nhằm khắc phục hậu quả. Với các lý do vừa nêu, cần áp dụng áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Nhận định vừa nêu cũng là luận cứ để chấp nhận một phần các tình tiết giảm nhẹ mà các luật sư nêu ra để đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho S.

Căn cứ vào các nhận định đã nêu, cần buộc bị cáo phải chịu án tù có thời hạn tương ứng với tính chất, mức độ vi phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu.

Về một số nội dung có liên quan đến vụ án:

Đối với Ekwedigwe Ogechukwu James: Là kẻ chủ mưu cầm đầu. Cơ quan điều tra đã khởi tố và ra lệnh truy nã James nhưng chưa bắt được. Khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Sim Sothol: Là đồng phạm trong vụ án. Qua điều tra, xác định được Sim Sothol là người quốc tịch Campuchia, Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Cục đối ngoại – Bộ công an xác minh nhân thân địa chỉ nhưng đến nay chưa có kết quả. Do vậy, khi nào có quả sẽ được xem xét xử lý sau.

Trong vụ án này còn có một số đối tượng là có tên là IKA, LANLOD, CHALES có tham gia lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Cơ quan điều tra đã xác minh những chưa làm rõ được nhân thân và hành vi nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Henry Chidi Egbufor (Chidi): Theo lời khai của S thì sau khi lừa đảo lấy được tiền của các bị hại, theo yêu cầu của James, S đã chuyển tiền cho Henry Chidi Egbufor. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho S nhận dạng, đối chất với Henry Chidi Egbufor nhưng Chidi Egbufor khai không quen biết và không thừa nhận việc có nhận tiền của S. Ngoài lời khai của S, không còn tài liệu chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Henry Chidi Egbufor.

Đối với bà Trần Diệu H: H khai rằng vào năm 2013, qua mạng Facebook, H đã kết bạn và yêu James. Tháng 7/2015, H Sng Campuchia chơi với James. Sau khi H về nước, James báo với H là sẽ có người chuyển tiền vào tài khoản của H và nhờ H rút tiền chuyển cho S. H cho James mượn tài khoản để chuyển tiền số tiền 800.000.000đ, sau đó rút tiền khỏi tài khoản mang giao cho S và nhận được 5.000.000đ tiền công. Quá trình điều tra, không có đủ căn cứ kết luận H là đồng phạm trong vụ án này. H cũng đã tự nguyện nộp lại 5.000.000đ cho Cơ quan điều tra.

Đối với bà Đỗ Thị T: Bà Thành hiện là cán bộ Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Năm 2010, bà Thành bị mất chứng minh nhân dân và đã báo cho cơ quan Công an tỉnh và làm thủ tục cấp lại chứng minh nhân dân. Bà T không biết việc S và đồng bọn đã dùng chứng minh nhân dân của bà T (chứng minh nhân dân đã mất) để mở tài khoản sử dụng vào việc lừa đảo. Do vậy, không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, còn xác định được: Có 3 người có tên là Đỗ Thị Hoa, Nguyễn Thị Đạm, Nguyễn Thị Hồng đã gửi 90.902.268đ vào tài khoản mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đang tại ngân hàng BIDV; có 7 người có tên là Lê Hồng Xuân, Nguyễn Thị Bích, Phạm Thị Bích Loan, Huỳnh Phi Hồng Ngọc, Phạm Ngọc Thơ, Nguyễn Thị Thu Thảo, Kim Thị Bích Hoa đã gửi 233.256.975đ vào tài khoản của của Sim Sothol mở tại Ngân hàng SeAbank.

Cơ quan điều tra đã đăng tin trên Đài truyền hình Việt Nam và một số báo viết để tìm bị hại nhưng đến nay không ai trình báo nên không xác định được địa chỉ, lại lịch của những người đã nêu.

Căn cứ vào tài liệu điều tra, không có cơ sở kết luận Phạm Thị S thực hiện hành vi lừa đảo bà V nên xác định bà V không phải là người bị hại trong vụ án này mà chỉ được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

#### **Về mặt dân sự:**

Bị cáo và đồng bọn đã chiếm đoạt của bà Cao Thị Ng 2.733.000.000đ và chiếm đoạt của bà Phạm Thị Bích N 239.000.000đ. Tuy nhiên, hiện chưa bắt được các đối tượng cùng bị cáo tham gia lừa đảo. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho người bị hại, cần buộc bị cáo bồi hoàn toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Sau này, nếu bắt được và xét xử các đối tượng liên quan, Tòa án sẽ xem xét trách nhiệm dân sự cụ thể của bị cáo và các đối tượng liên quan; đồng thời sẽ xem xét buộc các đối tượng liên quan phải hoàn trả lại cho bị cáo số tiền mà bị cáo đã bồi hoàn trước cho những người bị hại.

Nhận định vừa nêu cũng là luận cứ để bác bỏ ý kiến của các luật sư khi cho rằng phải cá thể hóa trách nhiệm dân sự của bị cáo.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi được 920.003.883đ (bao gồm 785.200.000đ thu giữ tại nhà của S; 50.000.000đ là số tiền S đặt cọc cho Công TNHH GoGo để mua nhà; 5.000.000đ do H tự giao nộp lại; 3.883đ trong các tài khoản do S tên Nguyễn Thụy Thảo Đang mở tại Ngân hàng BIDV; 40.000.000đ do gia đình bị cáo tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả). Số tiền này cần được sử dụng để bồi hoàn cho bà Ng và bà N. Vì không có căn cứ để xác định chính xác trong số đã nêu có bao nhiêu tiền của bà Ng và bao nhiêu là tiền của bà N đã bị bị cáo chiếm đoạt, bao nhiêu tiền là tài sản của bị cáo được tạo lập hợp pháp. Do vậy, để đảm bảo tính công bằng, cần sử dụng số tiền đã nêu để bồi hoàn cho bà Ng và bà N theo tỷ lệ tương ứng với số tiền mà bị cáo và đồng bọn đã chiếm đoạt của bà Ng, bà N, cụ thể đó là: bồi hoàn cho bà N 73.984.161đ; bồi hoàn cho bà Ng 846.019.722đ. Sau khi trừ số tiền đã này vào số tiền bị chiếm đoạt thì bà Ng còn bị thiệt hại 1.886.980.278đ; bà N còn bị thiệt hại 165.015.839đ. Do vậy, căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải trả cho bà Ng và bà N số tiền tương ứng như đã nêu.

Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi cho bà Ng và bà N, căn cứ theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bị cáo phải trả lãi cho bà Ng và bà N nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có nhận được đơn tố cáo của chị Nguyễn Thị V do Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Phú Thọ chuyển đến. Đơn tố cáo của bà V có nội dung: Khoảng tháng 7/2015, qua Facebook, bà V có quen một người có tên Cogan, quốc tịch Mỹ, làm việc tại Liên Hiệp Quốc. Ông Cogan có hứa gửi quà cho bà V. Sau đó, có người phụ nữ gọi điện thoại cho bà V tự giới thiệu là Dung, nhân viên Sân bay quốc tế Nội Bài, Thành phố Hà Nội thông báo có người tên là Cogan, quốc tịch Mỹ gửi cho bà V gói quà có giá trị lớn, đồng thời yêu cầu bà V chuyển 95.000.000đ vào tài khoản số 060100434248 của Sim Sothol mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

(Scombank)-Chi nhánh Sài Gòn. Bà V tường thật đã chuyển 95.000.000đ vào tài khoản đã nêu. Xác minh số tài khoản đã nêu, xác định được trong tài khoản có 120.465.234đ nên Cơ quan điều tra đã thu hồi chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra. Xét thấy, trong số tiền vừa nêu có 95.000.000đ của chị Nguyễn Thị V (bl.379) nên cần giao trả lại cho bà V. Phần tiền còn lại không xác định được người gửi nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

#### **Về vật chứng:**

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo:

- 05 điện thoại di động các loại (gồm 2 điện thoại hiệu Nokia, 1 điện thoại HTC, 1 điện thoại hiệu LG, 1 điện thoại Iphone plus);
- 1 Ipad;
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 331378385 mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đăng.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 365518034 mang tên Phạm Thị S.
- 01 thẻ ATM (Ready) số 5119570063989106 của ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đăng.
- 01 thẻ ATM (Harmony) số 9704180047324348 của ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đăng.
- 01 thẻ ViS số 4862821715981229 của ngân hàng Agibank mang tên Sim Sothol.
- 01 thẻ ATM số 9704400301043542931 của ngân hàng Agibank mang tên Sim Sothol.
- 01 thẻ ViS 4720740007864236 của ngân hàng Scombank mang tên Phạm Thị S.

Đối với 2 chiếc điện thoại Nokia và 1 điện thoại Iphone 6 plus: Bị cáo khai nhận sử dụng làm phương tiện liên lạc, trao đổi với đồng bọn. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại HTC, điện thoại LG và chiếc Ipad: Không có căn cứ để xác định bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội hoặc do phạm tội mà có nên cần giao trả lại cho bị cáo.

Đối với chứng minh nhân dân số 365518034 mang tên Phạm Thị S: Đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo, cần giao trả lại cho bị cáo.

Đối với giấy chứng minh nhân dân giả số 331378385 mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đăng: Là tài liệu chứng cứ quan trọng, cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án (hiện đã được lưu giữ trong hồ sơ).

Các vật chứng còn lại: Là công cụ, phương tiện phạm tội hoặc là nhằm để phục vụ cho việc thực hiện tội phạm nhưng chưa sử dụng, không còn sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Thị S** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, khoản 1 Điều 267, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị S** 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 1 (một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2015.

2. Về mặt dân sự, xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự,

Hoàn trả cho bà Cao Thị Ng 846.019.722đ (tám trăm bốn mươi sáu triệu không trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng);

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Bích N 73.984.161đ (bảy mươi ba triệu, chín trăm tám mươi tư nghìn một trăm sáu mươi một đồng).

*(Số tiền hoàn trả cho bà Ng và bà N như đã vừa nêu hiện đang được lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội theo các giấy nộp tiền, chuyển tiền vào tài khoản ngày 23/9/2015, 28/4/2016, 21/4/2016).*

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Cao Thị Ng 1.886.980.278đ (một tỷ tám trăm tám mươi sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng).

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Phạm Thị Bích N 165.015.839đ (một trăm sáu mươi lăm triệu không trăm mười lăm nghìn tám trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường vừa nêu, bị cáo còn phải trả thêm cho người được thi hành án tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng);

Hoàn trả cho bị cáo:

- 01 Chứng minh nhân dân số 365518034 mang tên Phạm Thị S;

- 01 điện thoại LG màu đen số imei: 35171304006576;
- 01 điện thoại HTC màu trắng, số imei: 351587052342640;
- 01 Ipad màu trắng bạc model: A1600.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 25.465.234đ (hai mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng).

*(Số tiền hoàn trả cho bà V và tịch thu sung quỹ Nhà vừa nêu hiện đang được lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội theo Phiếu chuyển tiền ngày 23/4/2016 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín -Chi nhánh Sài Gòn).*

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại Nokia màu xanh, số imei: 53062064942967;
- 01 điện thoại Nokia màu đỏ model 105, số imei: 351848073323120;
- 01 điện thoại Iphone màu vàng, số imei: 354377067033310;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 thẻ ATM (Ready) số 5119570063989106 của ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đăng;
- 01 thẻ ATM (Harmony) số 9704180047324348 của ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thụy Thảo Đăng;
- 01 thẻ ViS số 4862821715981229 của ngân hàng Agibank mang tên Sim Sothol;
- 01 thẻ ATM số 9704400301043542931 của ngân hàng Agibank mang tên Sim Sothol;
- 01 thẻ ViS 4720740007864236 của ngân hàng Scombank mang tên Phạm Thị S.

*(Các vật chứng đã nêu hiện được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận tang vật số 06/17 ngày 06/10/2016 giữa C45 - Bộ Công an và Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).*

3.Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 73.039.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4.Bị cáo và các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

5.Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

***Nơi nhận:***

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (4)
- Bị cáo; (4)
- Người bào chữa; (2)
- THAHS TP.HCM; (3)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (28) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Công Huân**